**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊA LÝ 10.**

**Chương VIII. ĐỊA LÝ CÔNG NGHIỆP**

**I. LÝ THUYẾT**

**1. Vai trò, đặc điểm nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp**

- Vai trò

- Đặc điểm

- Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố công nghiệp

+ Vị Trí địa lý

+ Tự nhiên

+ Kinh tế- xã hội

**2. Địa lý các ngành công nghiệp**

- Công nghiệp năng lượng

- Công nghiệp điện tử tin học

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

- Công nghiệp thực phẩm

**3. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ CN**

- Điểm công nghiệp

- Khu công nghiệp

- Trung tâm công nghiệp

- Vùng công nghiệp

**II. THỰC HÀNH:** Rèn luyện nhận dạng, vẽ biểu đồ tròn, đường.(bài tập 1 trang 125; bài 30,34: thực hành)

**III. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VẬN DỤNG**

**Câu 1**. Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản dùng để chỉ

a. Dầu khí b. Than đá c. Điện d. Củi gỗ.

**Câu 2**. Ngành công nghiệp nào sau đây **không** thuộc ngành công nghiệp năng lượng

a. Khai thác Than b. Khai thác dầu c. Điện lực d. Lọc dầu.

**Câu 3.** Trong cơ cấu sản lượng điện hiện nay ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là

a. Nhiệt điện b. Thủy điện

c. Điện nguyên tữ d. các nguồn năng lượng tự nhiên.

**Câu 4**. Ngành công nghiệp nào sau đây được xem là thước đo trình độ phát triển kinh tế kĩ thuật của một nước?

a. công nghiệp năng lượng. b. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

c. Công nghiệp điện tữ tin học d. Công nghiệp thực phẩm.

**Câu 5**. Ngành công nghiệp có khả năng lớn nhất để thúc đẩy cho cả ngành nông nghiệp và công nghiệp hóa chất phát triển là:

a. Công nghiệp dệt may b. Khai thác dầu.

c. Công nghiệp điện tữ tin học. d. Công nghiệp thực phẩm.

**Câu 6**. Ngành công nghiệp mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp thế giới là

a. khai thác than. b. điện tưc – tin học

c. dệt d. thực phẩm.

**Câu 7**. Điểm công nghiệp được hiểu là

a. Một đặc khu kinh tế.

b. Một điểm dân cư có các xí nghiệp công nghiệp.

c. gồm 1 đến 2 xí nhiệp không có dân cư sinh sống.

d. một diện tích nhỏ dùng để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 8**. Khu công nghiệp tập trung thường có tên gọi khác là

a. Điểm công nghiệp. b. Khu chế xuất.

c. Trung tâm công nghiệp. d. Khu kinh tế mới.

**Câu 9**. Đặc điểm của vùng công nghiệp là

a. có nhiều ngành công nghiệp kết hợp với nhau trong một đô thị vừa và lớn.

b. có quy mô từ vài chục đến vài trăm ha, không có dân cư sinh sống.

c. sự kết hợp giữa một số xí nghiệp và điểm dân cư.

d. Có không gian rộng lớn có nhiều ngành công nghiệp với nhiều xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 10.** So với các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng không chịu sự chi phối của nhân tố

a. Thị trường tiêu thụ. b. Lao động. c. Nguồn nguyên liệu. d. Giao thông vận tải.

**Câu 11**. Khoáng sản nào được coi là “vàng đen” của nhiều quốc gia?

a. Quặng sắt. b. Uranium. c. Ti tan. d. Dầu mỏ.

**Câu 12**. Khu vực nào có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới?

a. Trung Đông. b. Châu Phi. c. Bắc Mỹ. d. Liên Bang Nga và Đông Âu.

**Câu 13.** Sản lượng khai thác than trên thế giới đạt khoảng

a. 3 tỉ tấn/năm. b. 4 tỉ tấn /năm.

c. 5 tỉ tấn /năm. d. 6 tỉ tấn /năm.

**Câu 14.** Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950-2003

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 1950 | 1970 | 1990 | 2003 |
| Điện (Tỉ KWh) | 967 | 4962 | 11832 | 14581 |

Nhận xét nào sau đây là đúng?

a. Tốc độ tăng trưởng của điện năm 2003 là 1507,9%

b. Tốc độ tăng trưởng của điện năm 2003 là 1458,1%.

c. Tốc độ tăng trưởng của điện năm 2003 là 1183,9%.

d. Tốc độ tăng trưởng của điện năm 2003 là 496,2%.

**Câu 15**. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

a. Ít gây ô nhiễm môi trường.

b. tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

c. không chiếm diện tích rộng.

d. Yêu cầu lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

**Câu 16.** Nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta là:

a. Hòa Bình. b. Sơn La. c. Yali. d. Phú Mỹ.

**Câu 17**. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRÊN THẾ GIỚI THỜI KÌ 1940 – 2000

(đơn vị %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1940 | 2000 |
| Năng lượng truyền thống (than, củi, gỗ) | 71 | 25 |
| Dầu, khí | 26 | 54 |
| Nguyên tử, thủy điện | 3 | 14 |
| Năng lượng mới |  | 7 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới thời kì 1940 – 2000 là

a. Cột . b. Tròn. c. Miền. d. Đường.

**Câu 18.** Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của công nghiệp.

a. Sản xuất công nghiệp bao gồm 2 giai đoạn

b. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

c. Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ

d. Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành tạo nên sản phẩm cuối cùng.

**Câu 19**. Sản xuất điện trên thế giới hiện nay chủ yếu từ.

a. Thủy điện b. Nhiệt điện c. Điện nguyên tử d. Điện tua bin khí

**Câu 20**: Nước nào sau đây có sản lượng điện lớn nhất thế giới?

a. Nhật Bản b. Trung Quốc c. Liên Bang Nga d. Hoa Kỳ

**Câu 21:** Ngành công nghiệp nào là ngành quan trọng và cơ bản của một quốc gia, là tiền đề của tiến bộ khoa học- kỹ thuật?

a. Công nghiệp điện tử- tin học b. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

c. Công nghiệp năng lượng d. Công nghiệp luyện kim, cơ khí.

**Câu 22:** Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn liền với đô thị vừa và lớn là hình thức?

a. Điểm công nghiệp b. Khu công nghiệp tập trung

c. Trung tâm công nghiệp d. Vùng công nghiệp

**Câu 23:** Nhân tố quyết định con đường và phát triển công nghiệp của mỗi quốc gia?

a. Dân cư và nguồn lao động b. Cơ sở hạ tầng, cở sở vật chất kỹ thuật

c. Đường lối chính sách d. Tiến độ khoa học kỹ thuật

**Câu 24:** Nhân tố nào có tác động mạnh mẽ tới quá trình lựa chọn vị trí xí nghiệp, hướng chuyên môn hóa sản xuất?

a. Cơ cấu hạ tầng, cơ cấu vật chất kỹ thuật b. Dân cư và nguồn lao động

c. Đường lối chính sách d. Thị trường

**Câu 25:** Hãy cho biết tên của tổ chức những nước xuất khẩu dầu mỏ trên thế giới?

a. ASEAN b. NATO c. OPEC d. WHO

**Câu 26:** Tên nhà máy nhiệt điện ở Việt Nam?

a. Hòa Bình b. Phả Lại c. Trị An d. Yaly

**Câu 28:** Nơi có nguồn lao động dồi dào cho phép phát triển và phân bố các ngành công nghiệp?

a. Kỹ thuật điện, điện tử- tin học b. Sành sứ, thủy tinh, vật liệu xây dựng.

c. Xenlulô, giấy, hóa chất d. Dệt- may, giày- da, chế biến thực phẩm

**Câu 29:** Nơi có đội ngũ lao động kỹ thuật cao, công nhân lành nghề gắn với sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp?

a. Kỹ thuật điện, điện tử- tin học, cơ khí chính xác.

b. Sản xuất hàng tiêu dùng, hóa chất

c. Năng lượng, luyện kim, hóa chất, sản xuất thiết bị, hóa chất

d. Luyện kim, in, sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, hóa chất

**Câu 30:** Tính chất tập trung cao độ của công nghiệp được thể hiện như thế nào?

a.Trên một diện tích nhất định có thể xây dựng nhiều xí nghiệp, thu hút nhiều lao động và tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm

b. Trên một diện tích nhất định có thể xây dựng nhiều nông trường quốc doanh, thu hút nhiều lao động và tạo ra một khối lượng lớn sản phẩm

c. Tốc độ phát triển của thành thị

d. Tốc độ phát triển nhanh chóng của ngành xuất khẩu.

**Câu 31**. Công nghiệp có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân vì:

a. Đây là ngành sản xuất bằng máy móc nên có một khối lượng sản phẩm lớn nhất.

b. Có liên quan, tác động đến tất cả các ngành kinh tế khác vì cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vất chất kĩ thuật cho các ngành kinh tế khác.

c. Là ngành có khả năng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới mà không ngành nào sánh được.

d. Là ngành có khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường, tạo ra nhiều việc làm mới tăng thu nhập.

**Câu 33.** Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:

a. đây là ngành tạo tiền đề để thược hiện sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

b. là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

c. phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

d. sự phân công lao động quốc tế.

**Câu 34**. Ngành công nghiệp thường đi trước một bước trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước là:

a. cơ khí. b. năng lượng. c. luyện kim. d. dệt.

**Câu 35.** Những nước sản xuất nhiều than đá là:

a. Trung Quốc, Hoa Kì, Nga. c. Ba Lan, Ấn Độ, Ôxtraylia

b. Pháp, Anh, Đức. d. Hoa Kỳ, Nga, Anh.

**Câu 36.** Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nguyên nhiên liệu, chịu ảnh hưởng của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành:

a. Cơ khí hóa chất. b. sản xuất hàng tiêu dùng. c. hóa chất. d. năng lượng.

**Câu 37.** Ngành công nghiệp nào sau đây thường gắn chặt với nông nghiệp?

a. Cơ khí (cung cấp máy móc) b. Dệt may

c. Hóa chất (cung cấp phân bón thuốc trừ sâu) d.chế biến thực phẩm.

**Câu 38**. Đặc điểm của vùng công nghiệp là:

a. có nhiều ngành công nghiệp liên kết với nhau trong một đô thị quy mô vừa và lớn.

b. có quy mô từ vài chục đến vài trăm hecta vơi ranh giới rõ ràng.

c. sự kết hợp giữa xí nghiệp công nghiệp với điểm dân cư.

d. có không gian rộng lớn, nhiều ngành công nghiệp với nhiều xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 39**. Đồi với các nước đang phát triển khu công nghiệp thường được xây dựng nhằm mục đích:

a. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa.

b. thu hút vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết vốn, kỹ thuật và công nghệ.

c. sản xuất phục vụ xuất khẩu.

d. tạo sự hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp với nhau.

**Câu 40**. Cách mạng khoa học kỹ thuật đã làm cho cơ cấu sử dụng năng lượng biến đổi theo xu hướng:

a. than đá giảm nhanh nhường chổ cho dầu mỏ và khí đốt.

b. Than đá, dầu khí đang từng bước nhường chổ cho thủy năng, năng lượng nguyên tữ và các nguồn năng lượng khác.

c. thủy điện đang thay thế cho nhiệt điện.

d. Nguồn năng lượng mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, sức gió đang thay thế cho than, củi, gỗ.

**Câu 41.** **Ngành nào sau đây đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?**

A. Sành sứ B. dệt may. C. thủy tinh. D. in ấn.

**Câu 42.** Cho bảng số liệu:

**Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới, thời kì 1960-2003**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Sản phẩm** | **1960** | **1990** | **2003** | **2010** | **2013** |
| Than (triệu tấn) | 2603 | 3387 | 5300 | 6025 | 6859 |
| Điện (tỉ KWh) | 2304 | 11832 | 14851 | 21268 | 23141 |

**1.Biểu đồ thích hợp thể hiện tốc độ tăng trưởng của than và điện giai đoạn 1960 – 2013 là:**

1. Biểu đồ tròn. B. biểu đồ cột ghép. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ đường.

**2.Để thể hiện sản lượng than và điện của thế giới thời kì 1960 – 2013 dạng biểu đồ thích hợp nhất là:**

1. Biểu đồ tròn. B. biểu đồ cột ghép. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ đường.

**Câu 43. Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với nông nghiệp là**

1. Có tính tập trung cao độ. B Chỉ tập trung vào một thời gian nhất định.

C.Cần nhiều lao động. D. Phụ thuộc vào tự nhiên.

**Câu 44. Tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp trong GDP của một nước mà cao sẽ phản ánh rõ nhất**

A.Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước đó. B. Tổng thu nhập của nước đó.

C. Trình độ phát triển kinh tế của nước đó. D. bình quan thu nhập của nước đó.

**Câu 45. Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm sản xuất công nghiệp được chia thành các nhóm ngành nào sau đây?**

A.Công nghiệp nhẹ, công nghiệp khai thác. B. Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ.

C. Công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến. D. Công nghiệp nặng, công nghiệp khai thác.

**Câu 46. Sản phẩm của ngành công nghiệp**

A.Chỉ để phục vụ nông nghiệp. B. Chỉ để phục vụ giao thông vận tải.

C. Chỉ để phục vụ cho du lịch D. phục vụ cho tất cả các ngành kinh tế.

**Câu 47. Với tính chất đa dạng của khí hậu, kết hợp với tập đoàn cây trông và vật nuôi phong phú là cơ sở để phát triển ngành**

1. Công nghiệp hóa chất. B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Công nghiệp năng lượng. D. Công nghiệp chế biến thực phẩm.

**Câu 48. Ý nào không đúng với đặc điểm của công nghiệp**

1. Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn.
2. Sản xuất công nghiệp mang tính tập trung cao độ.
3. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
4. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp được phân công tie mỉ và có sự phối hợp giữa các ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

**Câu 49 . Nhân tố nào chi phối quy mô, cơ câu, và tổ chức các xí nghiệp công nghiệp?**

1. Đất, rừng, biển. B. Vị trí địa lí. C. Khí hậu, nguồn nước. D. Khoáng sản.

**Câu 50 :Sản xuất công nghiệp bao gồm**

A. 1 giai đoạn.

B. hoạt động tác động vào đối tường lao động, tạo ra nguyên liệu.

C.2 giai đoạn, đều được sản xuất bằng máy móc.

D. 3 giai đoạn: tạo nguyên liệu, chế biến và tạo ra sản phẩm.

**Câu 51 :Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động, ngành công nghiệp được chia thành mấy nhóm chính?**

A. 5. B. 4. C. 3. D.2.

**Câu 52 :Ngành sản xuất có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân là**

A.Công nghiệp.

B. Giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

C. Nông nghiệp.

D. Dịch vụ.

**Câu 53 :Nhân tố ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng các khu công nghiệp là**

A. Vùng nguyên liệu. B.Vị trí địa lý. C. Khoáng sản. D. Đông dân cư.

**Câu 54 :Nhân tố nào sau đây tác động đến chuyên môn hóa sản xuất trong công nghiệp?**

A. Lao động. B. Cơ sở hạ tầng. C.Thị trường. D. Vị trí địa lí.

**Câu 55 :Ngành công nghiệp có vai trò thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế thông qua việc:**

A.Cung cấp nguyên liệu và mở rộng thị trường cho các ngành.

B. Nâng cao chất lượng của nguồn lao động qua việc đào tạo lao động.

C. Tạo khả năng mở rộng sản xuất, điều tiết sản xuất của các ngành.

D.Cung cấp tư liệu sản xuất, thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật .

**Câu 56:Do đặc điểm nào sau đây mà các hình thức chuyên môn hóa , hợp tác hóa rất quan trọng trong sản xuất công nghiệp?**

A.Sản xuất bằng máy móc.

B. Sản xuất công nghiệp bao gồm 2 giai đoạn.

C. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ.

D.nhiều ngành phức tạp,được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp nhiều ngành.

**Câu 57:Nhóm ngành công nghiệp khai thác được hiểu là**

A. Các ngành công nghiệp tạo ra nguyên liệu.

B. Các ngành công nghiệp chế biến nguyên liệu.

C. Các ngành công nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm.

D. Các ngành công nghiệp thay đổi nguồn nguyên liệu.